TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒN ĐẤT** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/DS -ST
Ngày: 16 - 4 - 2020
V/v "Tranh chấp hợp đồng dân sự hụi, họ, biêu, phường"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Cẩm Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Hồng Gái.
2. Ông Cao Phước Nghĩa.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Quốc Tũng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hòn Đất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 16 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 89/2020/TLST - DS ngày 18 tháng 02 năm 2020 về việc "tranh chấp hợp đồng dân sự hụi, họ, biêu, phường" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2020/QĐST-DS, ngày 24 tháng 3 năm 2020 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1979; địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện H, tỉnh K; vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Mỹ D, sinh năm: 1977; địa chỉ: Ấp TA, xã B, huyện H, tỉnh K; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 01/02/2020, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Vào tháng 12 năm 2016 (dương lịch), bà có tổ chức chơi một dây hụi 3.000.000 đồng/ tháng, có 25 hụi viên, hụi sống bình quân đóng khoảng 2.500.000 đồng/lần. Bà Trần Thị Mỹ D tham gia chơi một chân hụi, bà D hốt hụi vào lần khui hụi thứ 3 và đã đóng hụi chết được 09 tháng bằng 27.000.000 đồng. Sau đó, bà D gửi đóng thêm được số tiền là 2.000.000 đồng thì ngưng đóng. Đến ngày 10/11/2018 (âm lịch) bà và bà D đã xác nhận nợ, bà D ký xác nhận còn nợ bà số tiền là 38.000.000 đồng. Bà có nhờ bà D gửi 1.000.000 đồng tiền đám giỗ, số tiền còn nợ là 37.000.000 đồng bà đã nhiều lần yêu cầu trả nhưng bà D vẫn không trả.

Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà D phải trả cho bà số tiền còn nợ là 37.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Ngày 15/4/2020 chị D gửi đơn xin giải quyết vắng mặt tại phiên tòa.

Tại bản tự khai ngày 24/3/2020, biên bản hòa giải ngày 24/3/2020 bị đơn là bà Trần Thị Mỹ D trình bày:

Bà xác định còn nợ bà T số tiền hụi tổng cộng là 37.000.000 đồng. Tuy nhiên, do hoàn cảnh khó khăn nên bà không có khả năng trả một lần, bà yêu cầu bà T cho bà được trả dần, mỗi tháng bà trả 500.000 đồng cho đến khi trả hết số nợ trên.

Bà D có đơn xin giải quyết vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Mỹ D trả số tiền nợ hụi nên quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp "Hợp đồng dân sự hụi, họ, biêu, phường" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Bị đơn là bà D có địa chỉ nơi cư trú tại Ấp TA, xã B, huyện H, tỉnh K nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Bà T, bà D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của các đương sự không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của BLTTDS.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự cùng xác định bà T có làm chủ của dây hụi áp vào tháng 12/2016 (dương lịch), số tiền là 3.000.000 đồng, có 25 hụi viên, mỗi tháng sổ 01 lần, hụi mãn vào tháng 12/2018 (dương lịch). Bà D hốt hụi vào tháng 02/2017 (dương lịch) và đã đóng hụi chết được số tiền tổng cộng là 30.000.000 đồng. Bà T yêu cầu bà D thanh toán số tiền còn nợ là 37.000.000 đồng, thanh toán một lần. Bà D đồng ý thanh toán cho bà T số tiền này nhưng yêu cầu được trả dần mỗi tháng là 500.000 đồng.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 479 của Bộ luật Dân sự 2005 thì: "*Họ, hụi, biêu, phường (sau đây gọi chung là họ) là một hình thức giao dịch về tài sản theo tập quán trên cơ sở thoả thuận của một nhóm người tập hợp nhau lại cùng định ra số người, thời gian, số tiền hoặc tài sản khác, thể thức góp, lĩnh họ và quyền, nghĩa vụ của các thành viên".* Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều xác định số tiền nợ nói trên là tiền góp họ mà các bên đã giao dịch. Giao dịch của các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên các bên có quyền, nghĩa vụ phải thực hiện. Do đó, yêu cầu của bà T là có cơ sở nên được Tòa án chấp nhận toàn bộ, buộc bà D phải thanh toán cho bà T số tiền là 37.000.000 đồng.

Bà T không yêu cầu tính lãi nên Tòa án không giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí:

Áp dụng Điều 147 của BLTTDS, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Yêu cầu của bà T được Tòa án chấp nhận nên bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 925.000 đồng (chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là: 37.000.000 x 5% = 1.850.000 đồng (một triệu tám năm năm chục nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 479 của Bộ luật Dân sự 2005;

Điểm a khoản 1 Điều 688, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với bà Trần Thị Mỹ D. Buộc bà D phải thanh toán cho bà Thuy số tiền là 37.000.000 đồng (ba mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí:

Yêu cầu của bà T được Tòa án chấp nhận nên bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 925.000 đồng (chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0009352 ngày 13/02/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là 1.850.000 đồng (một triệu tám năm năm chục nghìn đồng).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lê Cẩm Tú

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu.